TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/3/2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
  1. Ông: Trần Văn Tiền
  2. Bà: Trần Thị Diễm Kiều
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Ngà – Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2019 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 671/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018, về việc: "***Xin ly hôn***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Võ Ngân Hoàng K**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: **Võ Minh S**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện N, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị K có mặt, anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Võ Ngân Hoàng K trình bày*:**

Chị và anh Võ Minh S tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện N, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm nên thường xuyên cải vả và xúc phạm lẫn nhau. Chị nhiều lần về nhà mẹ ruột sống để tạo cơ hội hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng hơn nên chị và anh S đã ly thân khoảng 08 tháng. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Hoàng P, sinh ngày 12/10/2011 hiện đang sống với anh S. Khi chị về nhà mẹ ruột sống, sợ lỡ việc học của con và anh S không cho chị rước con về sống chung nên chị để con cho anh S nuôi dưỡng. Nhưng anh S thường xuyên đi làm ăn xa và gửi con cho ông bà nội chăm sóc

không được chu đáo nên chị yêu cầu anh S giao con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Minh S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Ngân Hoàng K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình thụ lý giải quyết đối với bị đơn là anh Võ Minh S, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tòa án đã tiến hành việc cấp tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho bị đơn là anh Võ Minh S để đưa vụ án ra xét xử nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thấy, chị Võ Ngân Hoàng K và anh Võ Minh S tự nguyện kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện N, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống do không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân. Nay, chị K khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin ly hôn. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải và thông báo việc giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do, coi như anh đã từ bỏ ý định xin được đoàn tụ với chị K. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi chị K và anh S sinh sống cho thấy, anh S và chị K xảy ra mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hòa hợp được. Do, anh S vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ được mà lập biên bản hòa giải đoàn tụ không được. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị K và anh S đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị K, xử cho chị K được ly hôn anh S.

[3] Trong thời gian chung sống anh S và chị K có 01 con chung tên: Võ Hoàng P, sinh ngày 12/10/2011 hiện đang sống với anh S. Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Qua xác minh thực tế cho thấy anh S thường đi làm ăn xa nên gửi con cho ông, bà nội chăm sóc. Anh S vẫn biết việc chị K gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và con chung đối với anh nhưng anh S vắng mặt tại tòa và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Chị K mong muốn được trực tiếp nuôi con và cháu P cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của con chung sau này nên chấp nhận yêu cầu của chị K, xử cho chị K được trực tiếp trông mom chăm sóc và giáo dục con chung là phù hợp. Chị K không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con (mặc dù Tòa đã giải thích). Xét đây là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị K không tranh chấp nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị K khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Ngân Hoàng K đối với anh Võ Minh S.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Võ Ngân Hoàng K và anh Võ Minh S được ly hôn.

+ Về con chung: Buộc anh Võ Minh S giao con chung là cháu Võ Hoàng P, sinh ngày 12/10/2011 cho chị Võ Ngân Hoàng K trực tiếp trông mom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị K không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị K không tranh chấp nên ghi nhận.

+ Về nợ chung: Chị K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về án phí: Chị Võ Ngân Hoàng K phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0020652 ngày 24/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre. Chị K đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- **TAND T. Bến Tre;**
-VKS H. Châu Thành;
-THADS H. Châu Thành;
-Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng